TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2024
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Văn Minh**
2. Ông **Quách Trung Sơn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Tôn Văn T** sinh năm: 1985
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: chị **Trần Thị Hồng H** sinh năm: 1990
Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Tôn Văn T trình bày: anh và chị Trần Thị Hồng H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không chịu sống chung với gia đình anh, thường xuyên kiếm chuyện bỏ nhà đi, không quan tâm cuộc sống gia đình nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Tôn Thị Ngọc H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2011

và Tôn Gia T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2013 hiện đang sống với anh; ly hôn anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị Hồng H đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng chị H không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt), chị H đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị H là phù hợp điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: anh Tôn Văn T khởi kiện chị Trần Thị Hồng H về việc xin ly hôn. Chị H cư trú tại tổ X, ấp Y, xã Z, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Tôn Văn T chị Trần Thị Hồng H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2009 được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống theo anh T xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do chị H không chịu sống chung với gia đình anh T, thường xuyên kiếm chuyện bỏ nhà đi, không quan tâm cuộc sống gia đình nên yêu cầu được ly hôn với chị H. Còn chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh T chứng tỏ chị H không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng. Mặt khác, anh T và chị H có thời gian dài không chung sống với nhau và anh chị cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm của mình thể hiện qua việc anh T kiên quyết xin ly hôn với chị H cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh T ly hôn với chị H là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh T và chị H có 02 con chung tên Tôn Thị Ngọc H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2011 và Tôn Gia T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2013 hiện đang sống với anh T; ly hôn anh T yêu cầu nuôi 02 con chung. Chị H vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Xét thấy, cháu H và cháu T đang sống với anh T đã ổn định, cần tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu H, cháu T nên giao cháu H, cháu T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu H, cháu T

mong muốn được sống với anh T. Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tôn Văn T và chị Trần Thị Hồng H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 02 con chung tên Tôn Thị Ngọc H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2011 và Tôn Gia T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 2013 cho anh Tôn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Trần Thị Hồng H do anh Tôn Văn T không yêu cầu.

2.3 Chị Trần Thị Hồng H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh Tôn Văn T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với chị H.

3. Về án phí: anh Tôn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014978 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang; anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: anh Tôn Văn T, chị Trần Thị Hồng H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ